

Số: 62 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA

Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (nay là Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng) về việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân về lĩnh vực vật liệu xây dựng

Thực hiện Quyết định số 124/QĐ-TTr ngày 12/11/2024 của Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng thanh tra Vụ Khoa học công nghệ và môi trường và Văn phòng Bộ thuộc Bộ Xây dựng về việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân về lĩnh vực vật liệu xây dựng, giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/10/2024.

Từ ngày 21/11/2024 đến ngày 21/01/2025, Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra trực tiếp đối với Vụ Khoa học công nghệ và môi trường.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTTr ngày 26/02/2025 của Trưởng đoàn thanh tra. Căn cứ văn bản ngày 18/4/2025 của Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng về tham gia ý kiến dự thảo Kết luận thanh tra. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng kết luận thanh tra đối với Vụ Khoa học công nghệ và môi trường thuộc Bộ Xây dựng (trước khi hợp nhất) như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Theo Quyết định số 990/QĐ-BXD ngày 25/9/2017 và Quyết định số 1158/QĐ-BXD ngày 01/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường là tổ chức thuộc Bộ Xây dựng, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tăng trưởng xanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Các cụm từ viết tắt dưới đây: Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Vụ KHCN&MT); thủ tục hành chính (TTHC); Bộ phận Một cửa (BPMC); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông); Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp (Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh); Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số

quy định về đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (Nghị định số 154/2018/NĐ-CP về đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ); Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử); Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP về giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa); Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 10/7/2019 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết quy trình nội bộ về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm/chứng nhận chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng (Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 10/7/2019 của Bộ Xây dựng về thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng).

1. Về lĩnh vực vật liệu xây dựng

Vụ KHCN&MT được giao thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ liên quan lĩnh vực vật liệu xây dựng như sau:

(1) Tham gia xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực vật liệu xây dựng;

(2) Tổ chức xây dựng, quản lý và hướng dẫn áp dụng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, quy trình kỹ thuật, quy phạm kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật và chỉ dẫn kỹ thuật lĩnh vực vật liệu xây dựng; hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật nước ngoài lĩnh vực vật liệu xây dựng trong các hoạt động xây dựng;

(3) Tổ chức và quản lý các hoạt động đánh giá và chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng, bao gồm: hoạt động đăng ký, chỉ định, hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức đánh giá và chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng; quản lý việc thực hiện mã vạch, mã số đối với sản phẩm hàng hóa thuộc ngành Xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Về giải quyết TTHC lĩnh vực vật liệu xây dựng

Theo Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 10/7/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Bộ quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Bộ Xây dựng, Vụ KHCN&MT được Bộ Xây dựng giao giải quyết 06 thủ tục hành chính về cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm/chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng cho cá nhân, tổ chức, bao gồm:

(1) Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

(2) Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

(3) Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

(4) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

(5) Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

(6) Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

3. Việc tổ chức, phân giao nhiệm vụ quản lý, thực hiện đánh giá, thẩm định và chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng của Vụ KHCN&MT theo nhiệm vụ được giao

Giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/10/2024, thực hiện nhiệm vụ được Bộ Xây dựng giao, ngày 12/8/2019 Vụ trưởng Vụ KHCN&MT đã ban hành Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ; ngày 11/11/2021, ngày 22/3/2022 và ngày 15/5/2024 Vụ trưởng Vụ KHCN&MT có văn bản phân công công tác, cán bộ công chức; ngày 12/8/2019 và ngày 09/12/2022 Vụ trưởng Vụ KHCN&MT có văn bản thông báo về việc giao nhiệm vụ xử lý TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Vụ KHCN&MT. Theo đó, việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm/chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng cho tổ chức, cá nhân được phân giao như sau:

(1) Ông Vũ Ngọc Anh, Vụ trưởng: Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chung các hoạt động của Vụ, phân công thực hiện các nhiệm vụ cho toàn thể công chức trong Vụ; trực tiếp hoặc ủy quyền cho Phó Vụ trưởng trình, báo cáo Bộ trưởng, các Thứ trưởng về toàn bộ hoạt động quản lý nhà nước thuộc chức năng, nhiệm vụ của Vụ.

(2) Ông Nguyễn Quang Minh, Phó Vụ trưởng: Chủ trì tổ chức, rà soát, kiểm tra hồ sơ giải quyết TTHC về cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm/chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng; ký phiếu trình lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực xem xét và ký cấp Giấy chứng nhận cho các tổ chức đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật. Tổ chức quản lý, kiểm tra đối với các tổ chức đã được cấp theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Vụ trưởng về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

(3) Ông Vũ Hải Nam, Chuyên viên chính: Tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ các tổ chức đăng ký để chỉ định là tổ chức đủ điều kiện chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy và công bố hợp chuẩn, hợp quy thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng; lưu trữ, quản lý hồ sơ, văn bản tài liệu lĩnh vực được phân công;

tham gia đánh giá của các đơn vị xin cấp Chứng nhận tổ chức đánh giá hợp chuẩn, hợp quy của ngành Xây dựng; hướng dẫn, tổng hợp công tác đánh giá hợp quy và chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng.

(4) Bà Nguyễn Thị Minh Phương, Chuyên viên chính: Tổ chức triển khai hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động tiếp nhận, cấp Giấy đăng ký hoạt động, chỉ định tổ chức hợp chuẩn của tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý; tiếp nhận, cấp Giấy đăng ký hoạt động, chỉ định tổ chức hợp quy đối với sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (nhóm 2) thuộc phạm vi quản lý.

(5) Phân công làm việc tại BPMC:

- Bà Nguyễn Thanh Huyền: từ ngày 01/10/2019 đến ngày 17/5/2023 (theo Quyết định số 1234a/QĐ-BXD ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc cử công chức ra làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Bộ và Thông báo số 60/TB-BXD ngày 17/5/2023 của Bộ Xây dựng về việc thôi giao nhiệm vụ đối với công chức).

- Ông Đinh Chính Lợi: từ ngày 17/5/2023 đến hết ngày 30/9/2023 (theo Thông báo số 62/TB-BXD ngày 17/5/2023 của Bộ Xây dựng về việc giao nhiệm vụ đối với công chức).

- Ông Phạm Bá Hùng: từ ngày 01/10/2023 đến hết ngày 31/3/2024 (theo Thông báo số 62/TB-BXD ngày 17/5/2023 của Bộ Xây dựng về việc giao nhiệm vụ đối với công chức).

- Ông Vũ Hải Nam: từ ngày 01/4/2024 đến ngày 03/11/2024.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC về cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm/chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng cho tổ chức, cá nhân trong kỳ thanh tra

Theo Báo cáo và các phụ lục đính kèm Công văn số 591/CV-KHCN ngày 18/12/2024 của KHCN&MT, giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/10/2024, Vụ KHCN&MT tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC tổng số 118 hồ sơ, cụ thể như sau:

- Năm 2021: 08 hồ sơ (tiếp nhận trực tiếp không qua BPMC);

- Năm 2022: 09 hồ sơ (tiếp nhận trực tiếp không qua BPMC);

- Năm 2023: 68 hồ sơ (trong đó: 03 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp không qua BPMC; 08 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp tại BPMC; 04 hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính và 53 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến);

- Năm 2024 (tính đến ngày 31/10/2024): 33 hồ sơ (trong đó: 01 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp tại BPMC và 32 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến).

Handwritten signatures and initials.

Theo đó:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC không qua BPMC là 20 hồ sơ (gồm: năm 2021 là 08 hồ sơ, năm 2022 là 09 hồ sơ, năm 2023 là 03 hồ sơ);

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC qua BPMC là 98 hồ sơ, trong đó:

+ Số hồ sơ đủ điều kiện giải quyết là 89/98 hồ sơ, gồm: số hồ sơ giải quyết sớm hạn và đúng hạn: 57/89 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 64,04%); số hồ sơ giải quyết quá hạn: 32/89 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 35,96%).

+ Số hồ sơ từ chối giải quyết: 09/98 hồ sơ, trong đó: thông báo từ chối giải quyết trong hạn là 08 hồ sơ; quá hạn 03 ngày là 01 hồ sơ.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC về cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm/chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng cho tổ chức, cá nhân

2.1. Đối với hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận (gồm 109/118 hồ sơ, trong đó: 20 hồ sơ Giấy không qua BPMC và 89 hồ sơ qua BPMC có trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng)

a) Đối với 20 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp không qua BPMC (gồm: năm 2021: 08 hồ sơ, năm 2022: 09 hồ sơ, năm 2023: 03 hồ sơ):

- Vụ KHCN&MT trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC không qua BPMC của Bộ Xây dựng là không đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông: “e) *Trực tiếp giao dịch, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không thông qua Bộ phận Một cửa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*” và khoản II, mục C ban hành kèm theo Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 10/7/2019 của Bộ Xây dựng về thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng, gồm 09 bước như sau: (1) *Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ*; (2) *Chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Vụ xử lý*; (3) *Phân công người trực tiếp giải quyết*; (4) *Giải quyết hồ sơ*; (5) *Lãnh đạo Vụ phê duyệt*; (6) *Lãnh đạo Bộ phê duyệt, ủy quyền ký Giấy chứng nhận*; (7) *Ký Giấy chứng nhận*; (8) *Chuyển kết quả về BPMC*; (9) *Trả kết quả*.

- Có 20/20 hồ sơ không có Giấy tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông: “c) *Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả*”.

 

- Có 20/20 hồ sơ, Vụ KHCN&MT không vào sổ theo dõi hồ sơ, cấp mã số hồ sơ cho tổ chức, không lập và theo dõi quy trình giải quyết thông qua Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông: “1. Khi thực hiện quy trình tiếp nhận, chuyển xử lý, giải quyết thủ tục hành chính tại các Điều 17, 18, 19 và 20 của Nghị định này, ở những nơi chưa hoàn thành việc xây dựng Hệ thống thông tin một cửa điện tử, thì cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ nhập thông tin vào Sổ theo dõi hồ sơ, cấp Mã số hồ sơ cho tổ chức, cá nhân theo cấu trúc quy định tại Điều 26 Nghị định này, lập và theo dõi quy trình giải quyết thông qua Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; cán bộ, công chức, viên chức giải quyết cập nhật quy trình chuyển xử lý, giải quyết thủ tục hành chính vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ”.

b) Đối với 89 hồ sơ tiếp nhận qua BPMC và có trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng:

- Có 30/89 hồ sơ, hạn ngày trả kết quả từ 15 ngày đến 31 ngày là không đúng thời gian theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh: “b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này”.

- Các cá nhân tham gia quá trình giải quyết TTHC thực hiện không đầy đủ việc ký, ghi rõ họ tên, ngày, giờ giao nhận hồ sơ trên phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ là thực hiện không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP về giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa: “c) Ngoài các thông tin được tích hợp tự động, cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải điền đầy đủ, rõ ràng, chính xác nội dung yêu cầu trong các biểu mẫu”.

- Đối với hồ sơ giải quyết quá hạn: Vụ KHCN&MT không thông báo bằng văn bản cho BPMC và gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hạn lại ngày trả kết quả là thực hiện không đúng quy định tại khoản 9 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông: “9. Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho Bộ phận Một cửa và gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời gian đề nghị gia hạn trả kết quả theo mẫu Phiếu đề nghị gia hạn thời gian giải quyết. Việc hạn lại ngày trả kết quả được thực hiện không quá một lần”.

- Đối với hồ sơ có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: Vụ KHCN&MT không có Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi BPMC để thông báo cho tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận là thực hiện không đúng quy định tại điểm a

khoản 1 “a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định này và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ” và điểm a khoản 2 “a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền” Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: Vụ KHCN&MT không trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử (thực tế trả Giấy chứng nhận ký trực tiếp, không ký số) là thực hiện không đúng khoản 1 Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử: “1. Cơ quan có thẩm quyền trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, đồng thời trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử cho tổ chức, cá nhân tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức ủy quyền, việc lưu kết quả điện tử thực hiện theo thỏa thuận ủy quyền”.

2.2. Đối với hồ sơ từ chối giải quyết (09 hồ sơ): Vụ KHCN&MT không lập phiếu từ chối giải quyết hồ sơ là thực hiện không đúng quy định tại khoản 8 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông: “8. Các hồ sơ quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của Hệ thống thông tin một cửa điện tử. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định”.

3. Việc thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm cho tổ chức (44 hồ sơ)

3.1. Việc thẩm định thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm của tổ chức

Kiểm tra xác suất 26/44 thành phần hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm vật liệu xây dựng (gồm: 05 hồ sơ bản Giấy và 20 hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Bộ Xây dựng), kết quả cho thấy:

a) Đối với hồ sơ cấp mới (Mã 1.006809 gồm 25 hồ sơ, trong đó: 01 hồ sơ năm 2021, 02 hồ sơ năm 2022, 13 hồ sơ năm 2023 và 09 hồ sơ năm 2024):

- Có 01/25 hồ sơ, đơn đăng ký hoạt động chứng nhận gửi và đề nghị Vụ KHCN&MT cấp Giấy chứng nhận là không đúng cơ quan có thẩm quyền (Bộ

Xây dựng);

- Có 03/25 hồ sơ, kê khai danh sách thử nghiệm viên không đúng theo Mẫu 02 quy định về danh sách chuyên gia đánh giá/thử nghiệm vị tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh, được sửa đổi tại Nghị định số 154/2018/NĐ-CP về đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Có 01/25 hồ sơ, không có bản sao chứng chỉ đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2017 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2017 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với thử nghiệm chuyên ngành của các thử nghiệm viên theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh: *“Điều 5. Điều kiện kinh doanh dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khoản 3. Có ít nhất 04 thử nghiệm viên chính thức của tổ chức ..., được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 (được thay thế bằng TCVN ISO/IEC 17025:2017) hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 (được thay thế bằng ISO/IEC 17025:2017) hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với thử nghiệm chuyên ngành”*.

b) Đối với hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi (Mã 1.006814 gồm 01 hồ sơ):

Kê khai danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm thiếu thông tin năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng theo Mẫu số 04 quy định về danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm phục vụ hoạt động thử nghiệm tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh.

3.2. Về cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm vật liệu xây dựng cho tổ chức:

- Có 04/25 hồ sơ không đầy đủ theo quy định, Vụ KHCN&MT không có văn bản yêu cầu tổ chức thử nghiệm sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh, trong đó quy định về trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm: *“1. Trường hợp cấp mới, điểm a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức thử nghiệm sửa đổi, bổ sung”*;

- Có 07/25 hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Xây dựng (Vụ KHCN&MT) chậm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh, trong đó quy định về trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm: *“1. Trường hợp cấp mới, điểm b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này”*.



4. Việc thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng cho tổ chức (65 hồ sơ)

4.1. Việc thẩm định thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng của tổ chức

Kiểm tra xác suất 45/65 thành phần hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng (gồm: 15 hồ sơ bản Giấy và 30 hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Bộ Xây dựng), kết quả cho thấy:

a) Đối với hồ sơ cấp mới (Mã 1.006854 gồm: 40/45 hồ sơ):

- Có 06/40 hồ sơ, đơn đăng ký hoạt động chứng nhận không đúng Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh;

- Có 09/40 hồ sơ kê khai danh sách chuyên gia đánh giá không đầy đủ thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh;

- Có 01/40 hồ sơ, hợp đồng lao động không có chữ ký và không ghi họ tên của chuyên gia theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh: “3. Có ít nhất 04 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn)...”;

- Có 18/40 hồ sơ, bản tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động đánh giá của các chuyên gia không đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh;

- Có 03/40 hồ sơ, các chuyên gia đánh giá thiếu 20 ngày công đánh giá đối với chương trình chứng nhận tương ứng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 17 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh: “d) Có kinh nghiệm đánh giá 04 cuộc trở lên, với ít nhất 20 ngày công đánh giá đối với chương trình chứng nhận tương ứng”.

- Có 01/40 hồ sơ, thành phần hồ sơ không có Mẫu Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh: “đ) Mẫu Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận”.

b) Đối với hồ sơ cấp bổ sung, sửa đổi (05/45 hồ sơ):

- Có 02/05 hồ sơ, đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động thử nghiệm không đúng Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh;

- Có 02/05 hồ sơ, bản tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động đánh giá của các chuyên gia không đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh.

TC

cb

4.2. Việc cấp Giấy chứng nhận hoạt động chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng cho tổ chức:

- Có 13/45 hồ sơ không đầy đủ theo quy định, Vụ KHCN&MT không có văn bản yêu cầu tổ chức thử nghiệm sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh: “a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức chứng nhận sửa đổi, bổ sung”;

- Có 07/45 hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Vụ KHCN&MT chậm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh: “b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức chứng nhận theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này”.

III. KẾT LUẬN NỘI DUNG THANH TRA

1. Kết quả đạt được

Giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/10/2024, thực hiện nhiệm vụ được giao, Vụ trưởng Vụ KHCN&MT đã ban hành Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn cụ thể đối với lãnh đạo, công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Vụ KHCN&MT nói chung và trong việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm/chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng cho tổ chức, cá nhân nói riêng.

2. Những tồn tại, hạn chế, thực hiện không đúng quy định pháp luật

2.1. Về tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC

a) Đối với 20 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp không qua BPMC (gồm: năm 2021: 08 hồ sơ, năm 2022: 09 hồ sơ, năm 2023: 03 hồ sơ):

- Vụ KHCN&MT trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC không qua BPMC của Bộ Xây dựng là vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông và khoản II, mục C ban hành kèm theo Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 10/7/2019 của Bộ Xây dựng về thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng. Việc trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC là tiềm ẩn hành vi tiêu cực;

- Không có Giấy tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả giải quyết TTHC là thực hiện không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

(Chữ ký)

- Vụ KHCN&MT không vào sổ theo dõi hồ sơ, cấp mã số hồ sơ cho tổ chức, không lập và theo dõi quy trình giải quyết thông qua Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ là thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

b) Đối với 89 hồ sơ tiếp nhận qua BPMC và có trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng:

- Phiếu tiếp nhận và hạn ngày trả kết quả từ 15 ngày đến 31 ngày là không đúng thời gian quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (30/89 hồ sơ);

- Các cá nhân tham gia quá trình giải quyết TTHC thực hiện không đầy đủ việc ký, ghi rõ họ tên, ngày, giờ giao nhận hồ sơ trên phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ là thực hiện không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP về giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa;

- Đối với hồ sơ giải quyết quá hạn: Vụ KHCN&MT không thông báo bằng văn bản cho BPMC và gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hạn lại ngày trả kết quả là thực hiện không đúng quy định tại khoản 9 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

- Đối với hồ sơ có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: Vụ KHCN&MT không có Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi BPMC để thông báo cho tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận là thực hiện không đúng quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

- Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: Vụ KHCN&MT không trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử (*thực tế trả Giấy chứng nhận ký trực tiếp, không ký số*) là thực hiện không đúng khoản 1 Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Đối với hồ sơ từ chối giải quyết (09 hồ sơ): Vụ KHCN&MT không lập phiếu từ chối giải quyết hồ sơ là thực hiện không đúng quy định tại khoản 8 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Mục 2.1, trách nhiệm thuộc Lãnh đạo, công chức thực hiện giải quyết TTHC của Vụ KHCN&MT giai đoạn thanh tra..

2.2. Về thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm vật liệu xây dựng cho tổ chức (kiểm tra 26 hồ sơ):

- Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận gửi và đề nghị Vụ Khoa học công nghệ và môi trường cấp Giấy chứng nhận là không đúng cơ quan có thẩm quyền (01 hồ sơ);

Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.

- Bản kê khai danh sách thử nghiệm viên không đúng theo Mẫu 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh, được sửa đổi tại Nghị định số 154/2018/NĐ-CP về đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (03 hồ sơ);

- Không có bản sao chứng chỉ đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2017 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2017 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với thử nghiệm chuyên ngành của các thử nghiệm viên theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (01 hồ sơ);

- Bản kê khai danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm thiếu thông tin năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng theo Mẫu số 04 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (01 hồ sơ);

- Đối với hồ sơ không đầy đủ theo quy định, Vụ KHCN&MT không thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức thử nghiệm sửa đổi, bổ sung trước khi trình Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực và cấp Giấy chứng nhận. Thực hiện không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (04 hồ sơ);

- Đối với hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Vụ KHCN&MT chậm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm. Thực hiện không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (07 hồ sơ).

Trách nhiệm thuộc Lãnh đạo, công chức được giao thực hiện thẩm định, trình và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm vật liệu xây dựng cho tổ chức của Vụ KHCN&MT.

2.3. Về thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng cho tổ chức (kiểm tra 45 hồ sơ)

- Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận không đúng Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (06 hồ sơ);

- Bản kê khai danh sách chuyên gia đánh giá không đầy đủ thông tin theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (09 hồ sơ);

- Hợp đồng lao động với chuyên gia không có chữ ký và họ tên của chuyên gia theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (01 hồ sơ);

- Bản tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động đánh giá của các chuyên gia không đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (20 hồ sơ);

- Các chuyên gia đánh giá thiếu 20 ngày công đánh giá đối với chương trình chứng nhận tương ứng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 17 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (03 hồ sơ);

- Không có Mẫu Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (01 hồ sơ);

- Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động thử nghiệm không đúng Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh (02 hồ sơ);

- Đối với hồ sơ không đầy đủ theo quy định (13 hồ sơ), Vụ KHCN&MT không có văn bản yêu cầu tổ chức thử nghiệm sửa đổi, bổ sung. Thực hiện không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh;

- Đối với hồ sơ đầy đủ và hợp lệ (07 hồ sơ), Vụ KHCN&MT chậm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm. Thực hiện không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh.

Trách nhiệm thuộc Lãnh đạo, công chức được giao thực hiện thẩm định, trình và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm vật liệu xây dựng cho tổ chức của Vụ KHCN&MT.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Thanh tra Bộ kiến nghị Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

1. Giao Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu việc tổ chức kiểm điểm và kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ Xây dựng do đã để xảy ra một số tồn tại, hạn chế, thực hiện chưa đúng quy định pháp luật theo nội dung kết luận thanh tra. Đặc biệt là việc trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC không qua BPMC của Bộ Xây dựng.

2. Chỉ đạo Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng (trước đây là Vụ Khoa học công nghệ và môi trường):

- Chấm dứt ngay việc trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC mà không qua BPMC của Bộ Xây dựng.

- Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm, kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền đối với tập thể, cá nhân để xảy ra một số tồn tại, hạn chế, thực hiện chưa đúng quy định pháp luật trong việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm/chứng nhận chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng cho tổ chức, cá nhân trong kỳ thanh tra theo nội dung kết luận thanh tra.

- Khắc phục một số tồn tại, hạn chế đã được nêu tại Phần II, Phần III của Kết luận thanh tra.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 104 Luật Thanh tra số 11/2022/QH15. Kết quả thực hiện báo cáo bằng văn bản gửi về Thanh tra Bộ Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Giao Trưởng phòng Giám sát, Thẩm định và xử lý sau thanh tra - Thanh tra Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với Trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Kết luận thanh tra./

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Minh Hà (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Việt Hùng (để b/c);
- Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Vụ Tổ chức cán bộ (để p/h);
- Vụ Khoa học CNMT&VLXD (để t/h);
- Lưu: VT, TH, PCTNTC&GSXLSTT, HSTTr.



PHỤ LỤC
DANH MỤC HỒ SƠ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG DO VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN
Giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/10/2024
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 62/KL-TTr ngày 22/ 4/2025 của Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng)

TT	Mã hồ sơ	Tên tổ chức/ cá nhân	Hình thức nộp hồ sơ				Ngày tiếp nhận			Ngày hẹn trả	Số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản cấp Giấy chứng nhận	Ngày trả kết quả			Kết quả giải quyết			Ghi chú
			Trực tuyến	Trực tiếp tại Vụ KHCN& MT không qua BPMC	Trực tiếp tại BPMC	Qua bưu chính	Ngày BPMC tiếp nhận hoặc Vụ tiếp nhận trực tiếp	Ngày BPMC chuyển Văn thư Vụ	Ngày Văn thư Vụ tiếp nhận			Ngày Lãnh đạo Vụ trả văn thư Vụ	Ngày văn thư Vụ chuyển BPMC	Ngày BPMC trả cho tổ chức, cá nhân	Sớm hạn	Đúng hạn	Quá hạn (số ngày, lý do)	
I	Năm 2021																	
1	Không có	Công ty Cổ phần chứng nhận và kiểm nghiệm chất lượng AQUACERT		x			Không có				101/CNĐKCN-BXD ngày 06/4/2021							
2	Không có	Công ty cổ phần chứng nhận và giám định chất lượng VITEST		x			Không có				215/CNĐKCN-BXD ngày 22/10/2021							
3	Không có	Công ty cổ phần khoa học kỹ thuật AIPAS Việt Nam		x			Không có				180/CNĐKCN-BXDngày 09/9/2021							
4	Không có	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Hà Nội Thăng Long		x			Không có				100/CNĐKCN-BXD ngày 06/7/2021							
5	Không có	Công ty CP chứng nhận và kiểm nghiệm chất lượng AQCERT		x			Không có				150/CNĐKCN-BXD ngày 22/7/2021							
6	Không có	Công ty TNHH Chứng nhận và Kiểm định Chất lượng Opacontrol		x			Không có				145/CNĐKTN-BXD ngày 15/7/2021							
7	Không có	Trung tâm Tư vấn thiết kế xây dựng và kiểm định chất lượng xây dựng công trình – Sở XD Hải Phòng		x			Không có				225/CNĐKCN-BXD ngày 11/4/2021							
8	Không có	Công ty CP chứng nhận và kiểm nghiệm chất lượng AQCERT		x			Không có				267/CNĐKCN-BXD ngày 16/12/2021							
II	Năm 2022																	
1	Không có	Viện Vật liệu xây dựng		x			Không có				21/CNĐKCN-BXD ngày 21/01/2022							
2	Không có	Công ty TNHH chứng nhận KNA		x			Không có				99/CNĐKCN-BXD ngày 13/4/2022							
3	Không có	Công ty CP Giám định và Chứng nhận ICC		x			Không có				168/CNĐKCN-BXD ngày 13/6/2022							
4	Không có	Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - Coninco		x			Không có				220/GCĐKTN-BXD ngày 25/7/2022							

TT	Mã hồ sơ	Tên tổ chức/ cá nhân	Hình thức nộp hồ sơ				Ngày tiếp nhận			Ngày hẹn trả	Số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản cấp Giấy chứng nhận	Ngày trả kết quả			Kết quả giải quyết			Ghi chú
			Trực tuyến	Trực tiếp tại Vụ KHCN& MT không qua BPMC	Trực tiếp tại BPMC	Qua bưu chính	Ngày BPMC tiếp nhận hoặc Vụ tiếp nhận trực tiếp	Ngày BPMC chuyển Văn thư Vụ	Ngày Văn thư Vụ tiếp nhận			Ngày Lãnh đạo Vụ trả văn thư Vụ	Ngày văn thư Vụ chuyển BPMC	Ngày BPMC trả cho tổ chức, cá nhân	Sớm hạn	Đúng hạn	Quá hạn (số ngày, lý do)	
5	Không có	Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - Coninco		x			Không có				221/GNĐKCN-BXD ngày 25/7/2022							
6	Không có	Công ty cổ phần chứng nhận kiểm định VINA		x			Không có				346/GNĐKCN-BXD ngày 16/11/2022							
7	Không có	Công ty cổ phần chứng nhận và kiểm định chất lượng AQCERT		x			Không có				347/GNĐKCN-BXD ngày 16/11/2022							
8	Không có	Công ty cổ phần chứng nhận và kiểm định Vinacontrol		x			Không có				377/CNĐKTN-BXD ngày 30/12/2022							
9	Không có	Viện Khoa học công nghệ xây dựng		x			Không có				378/CNĐKCN-BXD ngày 30/12/2022							
II Năm 2023																		
1	Không có	Công ty cổ phần Hoa Sen		x			Không có				06/CNĐKTCN-BXD ngày 06/02/2023							
2	Không có	Công ty TNHH chứng nhận Nam Việt		x			Không có				07/CNĐKCN-BXD ngày 30/01/2023							
3	Không có	Công ty cổ phần L.Q JOTON		x			Không có				73/GCNĐKCN-BXD ngày 10/4/2023							
4	000.00.00.G17-230517-0009	Công ty cổ phần HOLDING				x	17/5/2023	17/5/2023	17/5/2023	29/5/2023	156/CNĐKTN-BXD ngày 22/05/2023	24/5/2023	24/5/2023	19/6/2023			Quá hạn (21 ngày)	
5	000.00.00.G17-230609-0001	Công ty cổ phần dịch vụ và giám định Bảo Minh				x	06/09/2023	06/09/2023	06/09/2023	26/6/2023	244/CNĐKTN-BXD ngày 22/6/2023	28/6/2023	28/6/2023	28/6/2023			Quá hạn (2 ngày)	
6	000.00.00.G17-230609-0002	Công ty cổ phần dịch vụ và giám định Bảo Minh				x	06/09/2023	06/09/2023	06/09/2023	26/6/2023	245/CNĐKCN-BXD ngày 22/6/2023	28/6/2023	28/6/2023	28/6/2023			Quá hạn (2 ngày)	
7	000.00.00.G17-230712-0002	Công ty TNHH Chứng nhận BVQA			x		07/12/2023	07/12/2023		25/7/2023	272/CNĐKCN-BXD ngày 11/8/2023	31/7/2023	07/09/2023	07/09/2023			Quá hạn (45 ngày)	Lỗi hệ thống ghi Từ chối giải quyết
8	000.00.00.G17-230728-0039	Công ty CP Giám định và Chứng nhận ICC				x	28/7/2023	28/7/2023	28/7/2023	18/8/2023		08/08/2023	09/08/2023	21/8/2023			Quá hạn (3 ngày)	Trả KQ từ chối giải quyết
9	000.00.00.G17-230808-0001	Công ty cổ phần chứng nhận và kiểm định chất lượng AQCERT	x				08/07/2023	08/08/2023	08/08/2023	18/8/2023	273/CNĐKCN-BXD ngày 16/8/2023	17/8/2023	17/8/2023	28/8/2023			Quá hạn (10 ngày)	
10	000.00.00.G17-230808-0002	Công ty cổ phần chứng nhận và giám định Quốc tế TNN	x				08/07/2023	08/08/2023	08/08/2023	18/8/2023	275/CNĐKTN-BXD ngày 16/8/2023	17/8/2023	17/8/2023	28/8/2023			Quá hạn (10 ngày)	
11	000.00.00.G17-230808-0003	Công ty cổ phần chứng nhận và giám định quốc tế TNN	x				08/07/2023	08/08/2023	08/08/2023	18/8/2023	274/CNĐKCN-BXD ngày 16/8/2023	17/8/2023	17/8/2023	28/8/2023			Quá hạn (10 ngày)	
12	000.00.00.G17-230823-0029	Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng	x				22/8/2023	23/8/2023	23/8/2023	05/09/2023	282/CNĐKCN-BXD ngày 31/8/2023	05/09/2023	05/09/2023	11/09/2023			Quá hạn (6 ngày)	

TT	Mã hồ sơ	Tên tổ chức/ cá nhân	Hình thức nộp hồ sơ				Ngày tiếp nhận			Ngày hẹn trả	Số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản cấp Giấy chứng nhận	Ngày trả kết quả			Kết quả giải quyết			Ghi chú
			Trực tuyến	Trực tiếp tại Vụ KHCN& MT không qua BPMC	Trực tiếp tại BPMC	Qua bưu chính	Ngày BPMC tiếp nhận hoặc Vụ tiếp nhận trực tiếp	Ngày BPMC chuyển Văn thư Vụ	Ngày Văn thư Vụ tiếp nhận			Ngày Lãnh đạo Vụ trả văn thư Vụ	Ngày văn thư Vụ chuyển BPMC	Ngày BPMC trả cho tổ chức, cá nhân	Sớm hạn	Đúng hạn	Quá hạn (số ngày, lý do)	
13	000.00.00.G17-230823-0030	Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng	x				22/8/2023	23/8/2023	23/8/2023	05/09/2023	281/CNĐKTN-BXD ngày 31/8/2023	05/09/2023	05/09/2023	11/09/2023			Quá hạn (6 ngày)	
14	000.00.00.G17-230828-0011	Công ty cổ phần giám định khử trùng VIETNAMCONTROL	x				28/8/2023	28/8/2023	28/8/2023	07/09/2023	284/CNĐKCN-BXD ngày 31/8/2023	05/09/2023	05/09/2023	11/09/2023	x			
15	000.00.00.G17-230828-0012	Công ty cổ phần giám định khử trùng VIETNAMCONTROL	x				28/8/2023	28/8/2023	28/8/2023	07/09/2023	283/CNĐKTN-BXD ngày 31/8/2023	05/09/2023	05/09/2023	11/09/2023	x			
16	000.00.00.G17-230907-0012	Viện Vật liệu xây dựng			x		09/07/2023	09/07/2023	09/07/2023	18/9/2023	293/CNĐKTN-BXD ngày 9/10/2023	10/10/2023	10/10/2023	19/10/2023			Quá hạn (22 ngày)	
17	000.00.00.G17-230914-0001	Công ty cổ phần giám định và chứng nhận ICC	x				13/9/2023	14/9/2023	14/9/2023	25/9/2023	287/GCĐKCN-BXD ngày 20/9/2023	21/9/2023	21/9/2023	04/10/2023	x			
18	000.00.00.G17-230914-0010	Công ty cổ phần giám định khử trùng quốc tế	x				14/9/2023	14/9/2023	14/9/2023	25/9/2023	286/CNĐKCN-BXD ngày 20/9/2023	21/9/2023	21/9/2023	04/10/2023	x			
19	000.00.00.G17-230914-0013	Công ty cổ phần giám định khử trùng quốc tế	x				14/9/2023	14/9/2023	14/9/2023	25/9/2023	285/CNĐKTN-BXD ngày 20/9/2023	21/9/2023	21/9/2023	04/10/2023	x			
20	000.00.00.G17-230922-0029	Phạm Đức Minh	x				22/9/2023	22/9/2023	22/9/2023	10/02/2023		22/9/2023	22/9/2023	22/9/2023	x			Trả KQ từ chối giải quyết
21	000.00.00.G17-230922-0030	Phạm Đức Minh	x				22/9/2023	22/9/2023	22/9/2023	10/02/2023		22/9/2023	22/9/2023	22/9/2023	x			Trả KQ từ chối giải quyết
22	000.00.00.G17-230925-0001	Công ty TNHH chứng nhận và kiểm định chất lượng OPACONTROL	x				22/9/2023	25/9/2023	25/9/2023	10/05/2023	289/GCĐKTN-BXD ngày 04/10/2023	10/05/2023	10/05/2023	20/10/2023			Quá hạn (15 ngày)	
23	000.00.00.G17-230925-0002	Công ty TNHH chứng nhận và kiểm định chất lượng OPACONTROL	x				22/9/2023	25/9/2023	25/9/2023	05/10/2023	292/GCĐKCN-BXD ngày 04/10/2023	05/10/2023	05/10/2023	20/10/2023			Quá hạn (15 ngày)	
24	000.00.00.G17-230926-0017	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2	x				26/9/2023	26/9/2023	26/9/2023	09/10/2023	290/CNĐKCN-BXD ngày 04/10/2023	05/10/2023	05/10/2023	20/10/2023	x			
25	000.00.00.G17-230926-0018	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2	x				26/9/2023	26/9/2023	26/9/2023	09/10/2023	291/CNĐKTN-BXD ngày 04/10/2023	05/10/2023	05/10/2023	20/10/2023	x			
26	000.00.00.G17-231005-0001	Công ty cổ phần chứng nhận và giám định TTP	x				10/04/2023	10/05/2023	10/05/2023	16/10/2023	294/CNĐKCN-BXD ngày 12/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	x			
27	000.00.00.G17-231005-0002	Tào Xuân Hà	x				10/04/2023	10/05/2023	10/05/2023	16/10/2023		10/05/2023	10/05/2023	10/05/2023	x			Trả KQ từ chối giải quyết
28	000.00.00.G17-231005-0003	Công ty cổ phần chứng nhận và giám định TTP	x				10/04/2023	10/05/2023	10/05/2023	11/02/2023	297/CNĐKTN-BXD ngày 12/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	x			
29	000.00.00.G17-231005-0004	Tào Xuân Hà	x				10/04/2023	10/05/2023	10/05/2023	16/10/2023		10/05/2023	10/05/2023	10/05/2023	x			Trả KQ từ chối giải quyết

Chữ ký

TT	Mã hồ sơ	Tên tổ chức/ cá nhân	Hình thức nộp hồ sơ				Ngày tiếp nhận			Ngày hẹn trả	Số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản cấp Giấy chứng nhận	Ngày trả kết quả			Kết quả giải quyết			Ghi chú
			Trực tuyến	Trực tiếp tại Vụ KHCN& MT không qua BPMC	Trực tiếp tại BPMC	Qua bưu chính	Ngày BPMC tiếp nhận hoặc Vụ tiếp nhận trực tiếp	Ngày BPMC chuyển Văn thư Vụ	Ngày Văn thư Vụ tiếp nhận			Ngày Lãnh đạo Vụ trả văn thư Vụ	Ngày văn thư Vụ chuyển BPMC	Ngày BPMC trả cho tổ chức, cá nhân	Sớm hạn	Đúng hạn	Quá hạn (số ngày, lý do)	
30	000.00.00.G17-231005-0005	Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng	x				10/04/2023	10/05/2023	10/05/2023	16/10/2023	296/CNĐKCN-BXD ngày 12/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	x			
31	000.00.00.G17-231005-0006	Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng	x				10/04/2023	10/05/2023	10/05/2023	16/10/2023	295/GNĐKTN-BXD ngày 12/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	x			
32	000.00.00.G17-231005-0007	Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Lào Cai	x				10/05/2023	10/05/2023	10/05/2023	16/10/2023	298/CNĐKTN-BXD ngày 12/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	x			
33	000.00.00.G17-231005-0008	Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Lào Cai	x				10/05/2023	10/05/2023	10/05/2023	16/10/2023	299/CNĐKCN-BXD ngày 12/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	13/10/2023	x			
34	000.00.00.G17-231011-0024	Phân viện Vật liệu xây dựng Miền Nam	x				10/11/2023	10/11/2023	10/11/2023	23/10/2023	301/CNĐKCN-BXD ngày 23/10/2023	23/10/2023	23/10/2023	11/08/2023			Quá hạn (16 ngày)	
35	000.00.00.G17-231011-0025	Phân viện Vật liệu xây dựng Miền Nam	x				10/11/2023	10/11/2023	10/11/2023	23/10/2023	300/GCĐKTN-BXD ngày 23/10/2023	23/10/2023	23/10/2023	11/08/2023			Quá hạn (16 ngày)	
36	000.00.00.G17-231027-0001	Viện Vật liệu xây dựng			x		27/10/2023	16/11/2023	16/11/2023	27/11/2023	303/GNĐKCN-BXD ngày 13/11/2023	16/11/2023	16/11/2023	17/11/2023	x			
37	000.00.00.G17-231030-0058	Công ty CP CN và kiểm định VINACONTROL	x				30/10/2023	30/10/2023	30/10/2023	11/10/2023	302/CNĐKCN-BXD ngày 07/11/2023	11/07/2023	11/07/2023	11/08/2023	x			
38	000.00.00.G17-231108-0002	Công ty cổ phần khoa học kỹ thuật AIPAS Việt Nam	x				11/07/2023	11/08/2023	11/08/2023	20/11/2023	307/CNĐKCN-BXD ngày 29/11/2023	30/11/2023	30/11/2023	30/11/2023			Quá hạn (10 ngày)	
39	000.00.00.G17-231108-0003	Công ty cổ phần khoa học kỹ thuật AIPAS Việt Nam	x				11/07/2023	11/08/2023	11/08/2023	20/11/2023	305/CNĐKTN-BXD ngày 29/11/2023	30/11/2023	30/11/2023	30/11/2023			Quá hạn (10 ngày)	
40	000.00.00.G17-231108-0023	Công ty Cổ Phần Giám định Khử trùng Vietnamcontrol	x				11/08/2023	11/08/2023	11/08/2023	20/11/2023	304/CNĐKTN-BXD ngày 29/11/2023	30/11/2023	30/11/2023	30/11/2023			Quá hạn (10 ngày)	
41	000.00.00.G17-231108-0029	Trung tâm ứng dụng tiêu chuẩn chất lượng	x				11/08/2023	11/08/2023	11/08/2023	20/11/2023	309/GNĐKCN-BXD ngày 29/11/2023	30/11/2023	30/11/2023	30/11/2023			Quá hạn (10 ngày)	
42	000.00.00.G17-231109-0001	Công ty cổ phần chứng nhận và giám định quốc tế ISOCERT	x				11/08/2023	11/09/2023	11/09/2023	23/11/2023	308/CNĐKCN-BXD ngày 29/11/2023	30/11/2023	30/11/2023	30/11/2023			Quá hạn (7 ngày)	
43	000.00.00.G17-231128-0044	Viện Khoa học công nghệ xây dựng			x		28/11/2023	28/11/2023	28/11/2023	12/08/2023	321/CNĐKTN-BXD ngày 19/12/2023	20/12/2023	20/12/2023	21/12/2023			Quá hạn (13 ngày)	
44	000.00.00.G17-231129-0031	Công ty TNHH chứng nhận Newage	x				29/11/2023	29/11/2023	29/11/2023	12/11/2023	312/CNĐKCN-BXD ngày 8/12/2023	12/11/2023	12/11/2023	12/11/2023			Quá hạn	
45	000.00.00.G17-231129-0032	Công ty cổ phần chứng nhận và kiểm định chất lượng AQCERT	x				29/11/2023	29/11/2023	30/11/2023	14/12/2023	311/GCĐKTN-BXD ngày 8/12/2023	12/11/2023	12/11/2023	12/11/2023	x			
46	000.00.00.G17-231129-0033	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Hà Nội Thăng Long	x				29/11/2023	29/11/2023	29/11/2023	12/11/2023	314/GCĐKCN-BXD ngày 04/12/2023	12/11/2023	12/11/2023	12/11/2023			Quá hạn	
47	000.00.00.G17-231130-0012	Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh	x				30/11/2023	30/11/2023	30/11/2023	12/11/2023	313/CNĐKTN-BXD ngày 08/12/2023	12/11/2023	12/11/2023	18/12/2023			Quá hạn (7 ngày)	
48	000.00.00.G17-231205-0016	Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO			x		12/05/2023	12/05/2023	12/05/2023	15/12/2023	320/CNĐKCN-BXD ngày 13/12/2023	13/12/2023	13/12/2023	14/12/2023	x			

20

TT	Mã hồ sơ	Tên tổ chức/ cá nhân	Hình thức nộp hồ sơ				Ngày tiếp nhận			Ngày hẹn trả	Số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản cấp Giấy chứng nhận	Ngày trả kết quả			Kết quả giải quyết			Ghi chú
			Trực tuyến	Trực tiếp tại Vụ KHCN& MT không qua BPMC	Trực tiếp tại BPMC	Qua bưu chính	Ngày BPMC tiếp nhận hoặc Vụ tiếp nhận trực tiếp	Ngày BPMC chuyển Văn thư Vụ	Ngày Văn thư Vụ tiếp nhận			Ngày Lãnh đạo Vụ trả văn thư Vụ	Ngày văn thư Vụ chuyển BPMC	Ngày BPMC trả cho tổ chức, cá nhân	Sớm hạn	Đúng hạn	Quá hạn (số ngày, lý do)	
49	000.00.00.G17-231205-0019	Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO			x		12/05/2023	12/05/2023	12/05/2023	15/12/2023	317/GCĐKTN-BXD ngày 13/12/2023	13/12/2023	13/12/2023	14/12/2023	x			
50	000.00.00.G17-231205-0072	Công ty cổ phần ISOQ Việt Nam	x				12/05/2023	12/05/2023	12/05/2023	15/12/2023	319/CNĐKCN-BXD ngày 13/12/2023	13/12/2023	13/12/2023	14/12/2023	x			
51	000.00.00.G17-231207-0009	Công ty TNHH chứng nhận Nam Việt	x				12/06/2023	12/07/2023	12/07/2023	18/12/2023	318/CNĐKCN-BXD ngày 13/12/2023	13/12/2023	13/12/2023	14/12/2023	x			
52	000.00.00.G17-231207-0048	Trung tâm chứng nhận phù hợp	x				12/07/2023	12/07/2023	12/07/2023	18/12/2023	315/CNĐKCN-BXD ngày 13/12/2023	13/12/2023	13/12/2023	14/12/2023	x			
53	000.00.00.G17-231207-0049	Trung tâm chứng nhận phù hợp	x				12/07/2023	12/07/2023	12/07/2023	18/12/2023		13/12/2023	13/12/2023	14/12/2023	x			Thủ tục chỉ định, từ chối giải quyết
54	000.00.00.G17-231207-0050	Trung tâm chứng nhận phù hợp	x				12/07/2023	12/07/2023	12/07/2023	18/12/2023	316/CNĐKTN-BXD ngày 13/12/2023	13/12/2023	13/12/2023	14/12/2023	x			
55	000.00.00.G17-231213-0069	Công ty cổ phần giám định Quốc tế	x				13/12/2023	13/12/2023	13/12/2023	25/12/2023	323/CNĐKCN-BXD ngày 25/12/2023	26/12/2023	26/12/2023	26/12/2023			Quá hạn (1 ngày)	
56	000.00.00.G17-231213-0070	Công ty cổ phần chứng nhận và giám định quốc tế TNN	x				13/12/2023	13/12/2023	13/12/2023	25/12/2023	324/CNĐKTN-BXD ngày 27/12/2023	27/12/2023	27/12/2023	28/12/2023			Quá hạn (3 ngày)	
57	000.00.00.G17-231213-0071	Công ty cổ phần chứng nhận Quốc tế	x				13/12/2023	13/12/2023	13/12/2023	25/12/2023	321/CNĐKCN-BXD ngày 25/12/2023	26/12/2023	26/12/2023	26/12/2023			Quá hạn (1 ngày)	
58	000.00.00.G17-231214-0035	Công ty cổ phần chứng nhận Quốc tế	x				13/12/2023	13/12/2023	13/12/2023	25/12/2023	322/CNĐKTN-BXD ngày 25/12/2023	26/12/2023	26/12/2023	26/12/2023			Quá hạn (1 ngày)	
59	000.00.00.G17-231219-0088	Công ty cổ phần Quốc tế khoáng chất công nghiệp Việt Nam			x		19/12/2023	19/12/2023	19/12/2023	29/12/2023	01/CNĐKTN-BXD ngày 05/1/2024	01/08/2024	01/08/2024	01/09/2024			Quá hạn (10 ngày)	
60	000.00.00.G17-231226-0001	Viện năng suất chất lượng Deming	x				25/12/2023	26/12/2023	27/12/2023	18/1/2024	04/CNĐKTN-BXD ngày 08/1/2024	01/08/2024	01/08/2024	01/09/2024	x			
61	000.00.00.G17-231226-0002	Tung tâm giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VIETCERT	x				25/12/2023	26/12/2023	27/12/2023	01/12/2024	05/CNĐKCN-BXD/GCN-BXD ngày 08/1/2024	01/08/2024	01/08/2024	01/08/2024	x			
62	000.00.00.G17-231226-0025	Viện Khoa học công nghệ xây dựng			x		26/12/2023	26/12/2023	01/08/2024	18/1/2024	08/CNĐKCN-BXD ngày 09/1/2024	01/09/2024	01/09/2024	01/11/2024	x			
63	000.00.00.G17-231226-0030	Công ty cổ phần kiểm định chất lượng xây dựng toàn cầu	x				26/12/2023	26/12/2023	26/12/2023	01/11/2024		27/12/2023	27/12/2023	27/12/2023	x			Trả KQ từ chối giải quyết
64	000.00.00.G17-231226-0031	Viện Kiểm định và kiểm định chất lượng VNTEST	x				26/12/2023	26/12/2023	26/12/2023	01/12/2024	02/CNĐKTN-BXD ngày 08/1/2024	01/08/2024	01/08/2024	01/08/2024	x			
65	000.00.00.G17-231226-0036	Công ty cổ phần kiểm định chất lượng xây dựng toàn cầu	x				26/12/2023	26/12/2023	26/12/2023	01/06/2024	07/CNĐKTN-BXD ngày 09/1/2024	01/09/2024	01/09/2024	01/09/2024	x			

CH

TT	Mã hồ sơ	Tên tổ chức/ cá nhân	Hình thức nộp hồ sơ				Ngày tiếp nhận			Ngày hẹn trả	Số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản cấp Giấy chứng nhận	Ngày trả kết quả			Kết quả giải quyết			Ghi chú
			Trực tuyến	Trực tiếp tại Vụ KHCN& MT không qua BPMC	Trực tiếp tại BPMC	Qua bưu chính	Ngày BPMC tiếp nhận hoặc Vụ tiếp nhận trực tiếp	Ngày BPMC chuyển Văn thư Vụ	Ngày Văn thư Vụ tiếp nhận			Ngày Lãnh đạo Vụ trả văn thư Vụ	Ngày văn thư Vụ chuyển BPMC	Ngày BPMC trả cho tổ chức, cá nhân	Sớm hạn	Đúng hạn	Quá hạn (số ngày, lý do)	
66	000.00.00.G17-231226-0037	Trung tâm kiểm nghiệm và chất lượng TQC CGLOBAL	x				26/12/2023	26/12/2023	26/12/2023	01/11/2024	06/CNĐKCN-BXD ngày 8/1/2024	01/08/2024	01/08/2024	01/08/2024	x			
67	000.00.00.G17-231227-0040	Công ty cổ phần thí nghiệm và kiểm định xây dựng TGD Hà Nội	x				27/12/2023	27/12/2023	27/12/2023	01/08/2024	03/CNĐKTN-BXD ngày 8/1/2024	01/08/2024	01/08/2024	01/08/2024			Quá hạn	
68	000.00.00.G17-231228-0099	Công ty CP giám định khử trùng VIETNAMCONTROL	x				28/12/2023	28/12/2023	28/12/2023	22/1/2024	10/CNĐKCN-BXD/GCN-BXD ngày 10/1/2024	01/11/2024	01/11/2024	01/11/2024	x			
IV Năm 2024																		
1	000.00.00.G17-240103-0049	Công ty cổ phần giám định và chứng nhận ICC	x				03/01/2024	03/01/2024	03/01/2024	17/1/2024		03/01/2024	03/01/2024	03/01/2024	x			Trả KQ từ chối giải quyết
2	000.00.00.G17-240103-0052	Công ty cổ phần giám định và chứng nhận ICC	x				07/01/2024	08/01/2024	08/01/2024	18/1/2024	12/CNĐKCN-BXD ngày 12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	x			
3	000.00.00.G17-240108-0063	Công ty Cổ phần chứng nhận và kiểm nghiệm chất lượng AQCERT	x				07/01/2024	08/01/2024	08/01/2024	18/1/2024	11/CNĐKCN-BXD ngày 12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	x			
4	000.00.00.G17-240108-0064	Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng	x				08/01/2024	08/01/2024	08/01/2024	24/1/2024	15/CNĐKCN-BXD ngày 12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	x			
5	000.00.00.G17-240108-0065	Công ty cổ phần chứng nhận và giám định quốc tế TNN	x				08/01/2024	08/01/2024	08/01/2024	25/1/2024	13/CNĐKCN-BXD ngày 12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	x			
6	000.00.00.G17-240108-0066	Công ty cổ phần giám định khử trùng quốc tế	x				08/01/2024	08/01/2024	08/01/2024	25/1/2024	14/CNĐKCN-BXD ngày 12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	x			
7	000.00.00.G17-240108-0067	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Hà Nội Thăng Long	x				08/01/2024	08/01/2024	08/01/2024	18/1/2024	16/CNĐKTN-BXD ngày 12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	x			
8	000.00.00.G17-240109-0022	Công ty cổ phần giám định và chứng nhận ICC	x				08/01/2024	09/01/2024	09/01/2024	19/1/2024	09/CNĐKTN-BXD ngày 11/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	12/01/2024	x			
9	000.00.00.G17-240111-0001	Công ty cổ phần dịch vụ và giám định Bảo Minh	x				10/01/2024	11/01/2024	11/01/2024	26/1/2024	17/CNĐKCN-BXD ngày 17/01/2024	17/1/2024	17/1/2024	18/1/2024	x			
10	000.00.00.G17-240111-0002	Công ty cổ phần tư vấn khảo sát kiểm định xây dựng Trường Sơn	x				10/01/2024	11/01/2024	11/01/2024	22/1/2024	18/CNĐKCN-BXD ngày 17/01/2024	17/1/2024	17/1/2024	18/1/2024	x			
11	000.00.00.G17-240111-0003	Công ty cổ phần tư vấn khảo sát kiểm định xây dựng Trường Sơn	x				10/01/2024	11/01/2024	11/01/2024	22/1/2024	19/CNĐKTN-BXD ngày 17/01/2024	17/1/2024	17/1/2024	18/1/2024	x			
12	000.00.00.G17-240124-0002	Công ty TNHH Chứng nhận KNA	x				23/1/2024	24/1/2024	24/1/2024	02/09/2024	21/CNĐKCN-BXD ngày 31/01/2024	31/1/2024	02/01/2024	02/01/2024	x			
13	000.00.00.G17-240124-0028	Công ty cổ phần giám định và dịch vụ Đại Việt	x				24/1/2024	24/1/2024	24/1/2024	02/07/2024	20/CNĐKCN-BXD ngày 31/01/2024	31/1/2024	02/01/2024	19/2/2024	x			
14	000.00.00.G17-240130-0028	Công ty Cổ phần chứng nhận quản lý và chất lượng sản phẩm GREENCERT	x				30/1/2024	30/1/2024	30/1/2024	20/2/2024	23/CNĐKCN-BXD ngày 05/02/2024	02/05/2024	02/06/2024	02/06/2024	x			

Handwritten signature

TT	Mã hồ sơ	Tên tổ chức/ cá nhân	Hình thức nộp hồ sơ				Ngày tiếp nhận			Ngày hẹn trả	Số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản cấp Giấy chứng nhận	Ngày trả kết quả			Kết quả giải quyết			Ghi chú
			Thực trực tuyến	Thực tiếp tại Vụ KHCN& MT không qua BPMC	Thực tiếp tại BPMC	Qua bưu chính	Ngày BPMC tiếp nhận hoặc Vụ tiếp nhận trực tiếp	Ngày BPMC chuyển Văn thư Vụ	Ngày Văn thư Vụ tiếp nhận			Ngày Lãnh đạo Vụ trả văn thư Vụ	Ngày văn thư Vụ chuyển BPMC	Ngày BPMC trả cho tổ chức, cá nhân	Sớm hạn	Đúng hạn	Quá hạn (số ngày, lý do)	
15	000.00.00.G17-240131-0001	Công ty TNHH Chứng nhận Nam Việt	x				30/1/2024	31/1/2024	31/1/2024	20/2/2024	22/CNĐKCN-BXD ngày 05/02/2024	02/05/2024	02/06/2024	02/06/2024	x			
16	000.00.00.G17-240229-0002	Công ty cổ phần XTEST Hà Nội	x				28/2/2024	29/2/2024	29/2/2024	15/3/2024	27/CNĐKTN-BXD ngày 06/3/2024	03/06/2024	03/07/2024	18/11/2024	x			
17	000.00.00.G17-240320-0006	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà			x		20/3/2024	20/3/2024	20/3/2024	04/01/2024	28/CNĐKTN-BXD ngày 01/4/2024	04/01/2024	04/01/2024	04/03/2024			Quá hạn (2 ngày)	
18	000.00.00.G17-240329-0007	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng kiểm định Bạch Đằng	x				28/3/2024	29/3/2024	29/3/2024	15/4/2024	29/CNĐKTN-BXD ngày 04/04/2024	04/04/2024	04/04/2024	05/4/2024	x			
19	000.00.00.G17-240329-0008	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng kiểm định Bạch Đằng	x				28/3/2025	29/3/2024	29/3/2024	15/4/2025	30/CNĐKTN-BXD ngày 04/04/2024	04/04/2024	04/04/2024	05/4/2024	x			
20	000.00.00.G17-240403-0030	Công ty cổ phần ISOQ Việt Nam	x				04/03/2024	04/03/2024	04/03/2024	15/4/2024	31/CNĐKTN-BXD ngày 15/04/2024	15/4/2024	15/4/2024	16/4/2024			Quá hạn (1 ngày)	
21	000.00.00.G17-240617-0029	Công ty cổ phần giám định Việt Nam	x				17/6/2024	17/6/2024	17/6/2024	07/02/2024	33/CNĐKTN-BXD ngày 25/6/2024	26/6/2024	26/6/2024	26/6/2024	x			
22	000.00.00.G17-240619-0048	Đào Thị Ngợi	x				19/6/2024	19/6/2024	19/6/2024	07/03/2024		19/6/2024	19/6/2024	19/6/2024	x			Trả KQ từ chối giải quyết
23	000.00.00.G17-240619-0056	Viện Khoa học và đổi mới sáng tạo	x				19/6/2024	19/6/2024	19/6/2024	07/04/2024	36/CNĐKCN-BXD Ngày 01/7/2024	07/01/2024	07/01/2024	07/02/2024	x			
24	000.00.00.G17-240624-0062	Công ty TNHH công nghệ HAPHA	x				24/6/2024	24/6/2024	24/6/2024	07/08/2024	35/CNĐKCN-BXD Ngày 01/7/2024	07/01/2024	07/01/2024	07/02/2024	x			
25	000.00.00.G17-240624-0063	Công ty TNHH công nghệ HAPHA	x				24/6/2024	24/6/2024	24/6/2024	07/08/2024	37/CNĐKTN-BXD ngày 01/7/2024	07/01/2024	07/01/2024	07/02/2024	x			
26	000.00.00.G17-240624-0087	Công ty cổ phần Nhựa Hoa Sen	x				24/6/2024	24/6/2024	24/6/2024	07/04/2024	34/CNĐKTN-BXD ngày 01/7/2024	07/01/2024	07/01/2024	07/02/2024	x			
27	000.00.00.G17-240801-0028	Công ty cổ phần Giám định Nam Việt	x				08/01/2024	08/01/2024	08/01/2024	19/8/2024	38/CNĐKCN-BXD Ngày 09/8/2024	08/09/2024	08/09/2024	08/09/2024	x			
28	000.00.00.G17-240917-0015	Công ty cổ phần khoa học và công nghệ TNL	x				17/9/2024	17/9/2024	17/9/2024	10/08/2024	39/CNĐKTN-BXD ngày 30/09/2024	30/9/2024	30/9/2024	30/9/2024	x			
29	000.00.00.G17-240924-0011	Công ty cổ phần chứng nhận và kiểm định T&T	x				23/9/2024	24/9/2024	24/9/2024	18/10/2024	40/CNĐKTN-BXD ngày 08/10/2024	10/08/2024	10/08/2024	10/09/2024	x			
30	000.00.00.G17-240924-0013	Công ty cổ phần chứng nhận và kiểm định T&T	x				23/9/2024	24/9/2024	24/9/2024	18/10/2024	41/CNĐKCN-BXD Ngày 08/10/2024	10/08/2024	10/08/2024	10/09/2024	x			
31	000.00.00.G17-241011-0005	Công ty Cổ phần Giám định và chứng nhận KTS	x				10/10/2024	10/11/2024	10/11/2024	28/10/2024	44/CNĐKTN-BXD ngày 28/10/2024	28/10/2024	28/10/2024	28/10/2024	x			
32	000.00.00.G17-241011-0006	Công ty Cổ phần Giám định và chứng nhận KTS	x				10/10/2024	10/11/2024	10/11/2024	28/10/2024	43/CNĐKCN-BXD Ngày 28/10/2024	28/10/2024	28/10/2024	28/10/2024	x			
33	000.00.00.G17-241014-0002	Viện Vật liệu xây dựng	x				10/11/2024	14/10/2024	14/10/2024	28/10/2024	42/CNĐKCN-BXD Ngày 28/10/2024	28/10/2024	28/10/2024	29/10/2024		x		

Chốt